

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN KHANG MINH HY TẠI HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên chi nhánh**

Tên chi nhánh viết bằng tiếng Việt: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN KHANG MINH HY TẠI HÀ NỘI

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3603210549-006

**3. Ngày thành lập:** 07/09/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3 + 5 Nguyễn Văn Linh, tổ 17, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết: Gia công cơ khí (trừ xi mạ) (không gia công tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                              | 2592     |
| 2.  | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương<br>(chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                    | 5012     |
| 3.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa<br>(chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                        | 5022     |
| 4.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(trừ kinh doanh kho bãi, kinh doanh cho thuê kho ngoại quan)                                                                                                                                                                                                                                   | 5210     |
| 5.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5224     |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(trừ dịch vụ hỗ trợ khác liên quan tới dịch vụ hàng không)                                                                                                                                                                                                             | 5229     |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở)                                                                                                                                                                                     | 4663     |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu (trừ phế liệu độc hại, phế thải nguy hại, phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường; không chứa phế liệu tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật). | 4669     |
| 9.  | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng internet (trừ kinh doanh đại lý dịch vụ truy cập internet)                                                                                                                                                                                                    | 6312     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông đường bộ<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 4210        |
| 11. | Xây dựng công trình công ích<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi; xây dựng công trình điện dưới 35 KV; xây dựng công trình viễn thông                                                                                     | 4220        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                      | 4290        |
| 13. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                             | 4511        |
| 14. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                               | 4541        |
| 15. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ (gỗ, gốm, sứ, pha lê, thủy tinh)                                                                                        | 4649        |
| 16. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                             | 4651        |
| 17. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Bán buôn thiết bị môi trường, thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị chống sét.                      | 4652        |
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị xây dựng, dây chuyền công nghệ làm bia tươi                                                                                                      | 4659        |
| 19. | Vận tải hàng hóa đường sắt<br>(chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                   | 4912        |
| 20. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                               | 4933        |
| 21. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                    | 8230        |
| 22. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính-kế toán, tư vấn thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng công trình)                                  | 6619        |
| 23. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Cho thuê kho bãi.                                                                                                            | 6810(Chính) |
| 24. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Tư vấn quản lý doanh nghiệp (trừ tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính-kế toán, tư vấn thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng công trình)                                                     | 7020        |
| 25. | Quảng cáo<br>(chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                         | 7310        |
| 26. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                        | 7320        |
| 27. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                       | 7729        |

## 6. Vốn điều lệ:

Họ và tên: TRẦN QUANG VINH

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 12/08/1976

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 025120481

Ngày cấp: 26/05/2009

Nơi cấp: *Công an thành phố Hồ Chí Minh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 212 Quách Đình Bảo, Phường Phú Thạnh, Quận Tân phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 212 Quách Đình Bảo, Phường Phú Thạnh, Quận Tân phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội